

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2019/DS- ST

Ngày: 26-02-2019.

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Chót.

- Ông Phạm Văn Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tư-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST–DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐST –DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: 67/6 ấp AT, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: 133/3 ấp ANA, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Diệp Tấn N, sinh năm 1977; địa chỉ: 133/3 ấp ANA, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Phạm Văn P, sinh năm 1977; địa chỉ: 67/6 ấp AT, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn P: Huỳnh Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: 67/6 ấp AT, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Huỳnh Thị H đồng thời được sự ủy quyền của anh Phạm Văn P trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2018 chị Nguyễn Thị T có vay tiền của chị nhiều lần với tổng số tiền 390.000.000 đồng, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 29/4/2016 (dương lịch) chị T vay 15.000.000 đồng;

- Ngày 04/5/2016 (dương lịch) chị T vay 20.000.000 đồng;

- Ngày 10/5/2016 (dương lịch) chị T vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 14/5/2016 (dương lịch) chị T vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 19/5/2016 (dương lịch) chị T vay 75.000.000 đồng;
- Ngày 11/7/2016 (dương lịch) chị T vay 70.000.000 đồng;
- Ngày 19/12/2017 (dương lịch) chị T vay 80.000.000 đồng;
- Ngày 22/01/2018 (dương lịch) chị T vay 60.000.000 đồng;

Đồng thời vào năm 2016 chị T làm chủ hội; chị có tham gia chơi 05 dây hội, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ 1: Hội khui ngày 15/9/2016 âm lịch, dây hội gồm có 26 hội viên, gồm 26 phần hội, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng; chị tham gia một phần. Chị đã đóng hội đầy đủ đến tháng 05/2018 (âm lịch) thì chị T úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị T còn nợ lại chị 22 tháng x 2.000.000 đồng/phần = 44.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: Hội khui ngày 05/02/2017 (âm lịch), dây hội gồm có 26 hội viên, gồm 26 phần hội, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị tham gia một phần. Chị đã đóng hội đầy đủ đến tháng 05/2018 (âm lịch) thì chị T úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị T còn nợ lại chị 17 tháng x 2.000.000 đồng/phần = 34.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: Hội khui ngày 10/6/2017 (âm lịch), dây hội gồm có 24 hội viên, gồm 24 phần hội, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị tham gia hai phần. Chị đã đóng hội đầy đủ đến tháng 05/2018 (âm lịch) thì chị T úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị T còn nợ lại chị 13 tháng x 2.000.000 đồng/phần x 2 phần = 52.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 4: Hội khui ngày 25/7/2017 (âm lịch) dây hội này có 24 hội viên, gồm 24 phần hội, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị tham gia hai phần. Chị đã đóng hội đầy đủ đến tháng 05/2018 (âm lịch) thì chị T úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị T còn nợ lại chị 11 tháng x 2.000.000 đồng/phần x 02 phần = 44.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 5: Hội khui ngày 01/11/2017 (âm lịch) dây hội này có 24 hội viên, gồm 24 phần hội, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị tham gia hai phần. Chị đã đóng hội đầy đủ đến tháng 05/2018 (âm lịch) thì chị T úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị T còn nợ lại chị 07 tháng x 2.000.000 đồng/phần x 02 phần = 28.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền vay và tiền hội thì chị T và anh N còn nợ chị là 592.000.000 đồng. Tuy nhiên do hiện nay hoàn cảnh chị T quá khó khăn và thiếu nợ nhiều người nên chị tự nguyện giảm nợ cho chị T là 52.000.000 đồng, còn lại 540.000.000 đồng. Mục đích chị T vay tiền và chơi hội là để về chi tiêu chung trong gia đình của chị T và anh N. Đồng thời số tiền chị cho chị T và anh N vay là tiền chung của chị và chồng chị là anh Phạm Văn P.

Tại phiên tòa chị yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Tấn N phải liên đới trả cho chị và anh P một lần số tiền 540.000.000 đồng; chị không yêu cầu tính lãi. Chị tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện chị T đối với số tiền 52.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2014 cho đến năm 2018 chị có vay của chị Huỳnh Thị H nhiều lần với tổng số tiền 390.000.000 đồng; do thời gian vay đã lâu nên chị không nhớ cụ thể số tiền của từng lần vay. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 40.000đồng/1.000.000đồng/tháng nhưng sau đó tăng lên 60.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay chị có đóng lãi đầy đủ đến tháng 02/2018 (âm lịch) thì không đóng nữa. Mục đích chị vay tiền để cho vay lại và việc này anh Diệp Tấn N là chồng chị không biết nhưng số tiền lãi của việc cho vay thì chị dùng để chi tiêu trong gia đình và đi đám tiệc.

Đồng thời vào năm 2016 chị có làm chủ hội; chị H có tham gia chơi 05 dây hội, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ 1: Hội khui ngày 15/9/2016 (âm lịch), dây hội gồm có 22 hội viên, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị H tham gia một phần. Chị H đóng hội đầy đủ đến tháng 02/2018 (âm lịch) thì chị úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị còn nợ lại chị H 18 tháng x 2.000.000 đồng/phần = 36.000.000 đồng; tuy nhiên do hoàn cảnh chị quá khó khăn nên chị xin trả số tiền vốn của dây hội này là 27.500.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: Hội khui ngày 05/02/2017 9 (âm lịch), dây hội gồm có 26 hội viên, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị H tham gia một phần. Chị H đóng hội đầy đủ đến tháng 02/2018 (âm lịch) thì chị úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị còn nợ lại chị H 13 tháng x 2.000.000 đồng/phần = 26.000.000 đồng; tuy nhiên do hoàn cảnh chị quá khó khăn nên chị xin trả số tiền vốn của dây hội này là 19.500.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: Hội khui ngày 10/6/2017 (âm lịch), dây hội gồm có 24 hội viên, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị H tham gia hai phần. Chị H đóng hội đầy đủ đến tháng 02/2018 (âm lịch) thì chị úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị còn nợ lại chị H 10 tháng x 2.000.000 đồng/phần x 02 phần = 40.000.000 đồng; tuy nhiên do hoàn cảnh chị quá khó khăn nên chị xin trả số tiền vốn của dây hội này là 30.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 4: Hội khui ngày 25/7/2017 (âm lịch), dây hội gồm có 24 hội viên, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị H tham gia hai phần. Chị H đóng hội đầy đủ đến tháng 02/2018 (âm lịch) thì chị úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị còn nợ lại chị H 08 tháng x 2.000.000 đồng/phần x 02 phần = 32.000.000 đồng; tuy nhiên do hoàn cảnh chị quá khó khăn nên chị xin trả số tiền vốn của dây hội này là 24.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 5: Hội khui ngày 30/11/2017 (âm lịch), dây hội gồm có 24 hội viên, mỗi phần hội là 2.000.000 đồng, hội khui và hốt hàng tháng, chị H tham gia hai phần. Chị H đóng hội đầy đủ đến tháng 02/2018 (âm lịch) thì chị úp hội; nếu tính hội có lãi thì dây hội này chị còn nợ lại chị H 04 tháng x 2.000.000 đồng/phần x 02 phần = 16.000.000 đồng; tuy nhiên do hoàn cảnh chị quá khó khăn nên chị xin trả số tiền vốn của dây hội này là 12.000.000 đồng.

Tính hội có lãi thì chị còn nợ chị H là 150.000.000 đồng nhưng số tiền thực tế chị H đóng cho chị là 113.000.000 đồng.

Qua yêu cầu của chị H thì chị và anh N đồng ý liên đới trả cho chị H và anh P số tiền 503.000.000 đồng (trong đó tiền vay 390.000.000 đồng và tiền hội không có lãi 113.000.000 đồng) nhưng do hoàn cảnh gia đình chị quá khó khăn và thiếu nợ nhiều người nên chị xin được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng

cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi chị đã đóng trước đây cho chị H do đã thực hiện xong nên chị không yêu cầu tính lãi lại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Diệp Tấn N trình bày: Anh đồng ý với lời trình bày của vợ anh là Nguyễn Thị T và đồng ý liên đới với chị T để trả cho chị H và anh P số tiền 503.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình anh chị quá khó khăn và thiếu nợ nhiều người nên anh xin được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu tại 133/3 ấp ANA, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Huỳnh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Tấn N phải liên đới giao trả cho chị và anh P số tiền 540.000.000 đồng; yêu cầu trả 01 lần; không yêu cầu tính lãi. Chị T và anh N đồng ý liên đới trả tiền cho chị H và anh P số tiền 503.000.000 đồng nhưng có yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[4] Xét thấy hợp đồng vay tài sản và góp hội giữa chị H và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và anh N thừa nhận có nợ chị H và đồng ý liên đới trả cho chị H và anh P số tiền vay 390.000.000 đồng nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Đối với số tiền nợ hội hai bên thống nhất từng dây hội, số hội viên, ngày khai hội, phần hội tham gia nhưng không thống nhất thời gian úp hội. Xét thấy: Chị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ thời gian úp hội và tài liệu chứng cứ thể hiện chị T nợ chị số tiền là bao nhiêu. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị T thừa nhận chị có nợ tiền hội của chị H tính hội có lãi là 150.000.000 đồng. Do đó có căn cứ xác định chị T có nợ chị H số tiền hội là 150.000.000 đồng. Chị T cho rằng số tiền hội thực tế chị H đóng cho chị là 113.000.000 đồng thì số tiền này không được chị H thừa nhận; chị T cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh được số tiền từng lần chị H đóng là bao nhiêu. Mặc khác việc chơi hội có lãi là sự thỏa thuận của hội viên, chủ hội không phải trả lãi cho hội viên và việc trả lãi trong chơi hội là trách nhiệm của thành viên đã hót hội không phải do chủ hội chi trả, chủ hội chỉ có trách nhiệm thu gom và giao tiền hót hội cho hội viên và được hưởng tiền (đầu thảo) nên lời

trình bày của chị T không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lẽ đó, cần buộc chị T và anh N có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm giao trả cho chị H và anh P số tiền 540.000.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu trả nợ dần của chị T và anh N, xét thấy chị T và anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị H và anh P trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H và anh P. Mặc khác tại phiên tòa chị H cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của chị T và anh N, do đó yêu cầu của chị T và anh N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa chị H tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện chị T đối với số tiền 52.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của chị H là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do chị T không yêu cầu tính lãi lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Do chị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Tấn N phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 540.000.000 đồng x 5% = 27.000.000 đồng.

[12] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Tấn N phải liên đới trách nhiệm giao trả cho chị Huỳnh Thị H và anh Phạm Văn P số tiền 540.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H đối với số tiền 52.000.000 đồng.

Do chị H không yêu cầu chị T và anh N phải trả lãi nên không xem xét giải quyết.

Do chị T không yêu cầu tính lãi lại nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: chị Nguyễn Thị T và anh Diệp Tấn N phải liên đới nộp 27.000.000 đồng.

Chị Huỳnh Thị H được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 13.840.000 đồng theo biên lai thu số 0021470 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Vũ-Dương Văn Hai

Cao Thanh Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Cao Thanh Minh

**Caùc Hoäi thaãm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaãm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheä

